

Một số công cụ nhận diện học sinh khó khăn về nói

Ngô Thị Phương Trà

Trường Đại học Quy Nhơn
170 An Dương Vương, Quy Nhơn,
Bình Định, Việt Nam
Email: tranptb@gmail.com

TÓM TẮT: Bài viết giới thiệu một số công cụ nhận diện học sinh khó khăn về nói bằng hình ảnh, ứng dụng được trên điện thoại di động. Các công cụ được xây dựng với mục tiêu đơn giản, dễ ứng dụng, phù hợp với tâm lý lứa tuổi, kích thích trí tò mò ở học sinh đầu cấp Tiểu học bằng những câu đố và trò chơi thú vị. Học sinh khó khăn về nói là những học sinh có biểu hiện suy giảm về khả năng phát âm với các dạng đặc trưng thường gặp là: Nói ngọng, nói lắp, khó nói, chậm nói, rối loạn giọng nói, không nói được... khiến các em gặp nhiều khó khăn trong học tập và giao tiếp hằng ngày. Các công cụ nhận diện khó khăn về nói được dùng để kiểm tra khả năng phát âm, kiểm tra nói lắp và kiểm tra khả năng nhận thức của học sinh. Các công cụ nhận diện này sẽ giúp giáo viên xác định khá chính xác đối tượng học sinh khó khăn về nói. Từ đó, giáo viên có điều kiện lên kế hoạch hỗ trợ cho đối tượng học sinh này tốt hơn trong môi trường giáo dục hòa nhập.

TỪ KHÓA: Lời nói; khó khăn về nói; công cụ; nhận diện.

⇒ Nhận bài 16/4/2019 ⇒ Nhận xét quá phản biện và chỉnh sửa 29/6/2019 ⇒ Duyệt đăng 25/7/2019

1. Đặt vấn đề

Khó khăn về nói là một dạng tật khá phổ biến ở trẻ nhỏ, đặc biệt là học sinh (HS) đầu cấp Tiểu học khi trẻ tiếp xúc với môi trường học tập mới. Nhận diện chính xác HS khó khăn về nói không dễ dàng. Hầu hết, giáo viên (GV) tiểu học chỉ dựa vào kinh nghiệm cá nhân để nhận ra HS gặp khó khăn về nói không dễ dàng. Trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, khi phát hiện HS phát âm sai, GV thường làm mẫu cho HS sửa ngay lúc đó, không có điều kiện xác định nguyên nhân mắc lỗi, tập hợp và phân loại các nhóm lỗi để có thể sửa lỗi cho HS một cách hiệu quả bằng việc lên kế hoạch hỗ trợ phù hợp với các nhóm HS khó khăn về nói khác nhau. Từ nhu cầu thực tế đó, chúng tôi đề xuất một số công cụ đơn giản để hỗ trợ GV trong việc xác định đối tượng HS khó khăn về nói.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thiết kế một số công cụ nhận diện học sinh khó khăn về nói

2.1.1. Nhận biết hiện tượng học sinh khó khăn về nói

a. Khái niệm khó khăn về nói và học sinh khó khăn về nói

- Khó khăn về nói là sự suy giảm về khả năng phát âm với đặc trưng là sự thừa, thiếu hoặc biến dạng của âm thanh tiếng nói; Sự mất lưu loát với đặc trưng là sự bất thường về độ trôi chảy, nhịp điệu, sự lặp đi, lặp lại các âm thanh hoặc sự rối loạn về giọng nói với đặc trưng là sự bất thường về cao độ, âm sắc, cường độ, trường độ, chất lượng phát âm.

- HS khó khăn về nói là những HS có biểu hiện suy giảm về: Khả năng phát âm với đặc trưng là sự thừa, thiếu hoặc biến dạng của âm thanh tiếng nói; Sự mất lưu loát với đặc trưng là sự bất thường về độ trôi chảy, nhịp điệu, sự lặp đi, lặp lại các âm thanh hoặc sự rối loạn về giọng nói với đặc trưng là sự bất thường về cao độ, âm sắc, cường độ, trường độ, chất lượng phát âm, khiến các em gặp nhiều khó khăn trong học tập và giao tiếp hằng ngày.

b. Các dạng khó khăn về nói thường gặp

- Không nói được (chậm nói): Là sự chậm trễ trong việc vận dụng các cơ chế tạo âm thanh lời nói trong giao tiếp. Trong quá trình phát triển, các em không có quá trình tập nói, chỉ phát ra những âm vô nghĩa.

- Mất khả năng nói: Là những trẻ đã nói được nhưng trong quá trình phát triển, do nguyên nhân nào đó dẫn tới mất hoàn toàn hay một phần khả năng nói.

- Nói ngọng: Là phát âm sai so với chuẩn ngữ âm, các âm thanh của lời nói không rõ ràng khiến người nghe khó hiểu. Ảnh hưởng của các phát âm theo tiếng địa phương nơi HS đang sống khác biệt với chính âm không được coi là nói ngọng. Chỉ những HS phát âm sai từ 1/5 tổng số các âm vị tiếng Việt trở lên mới nên coi là HS khó khăn về nói và cần quan tâm đặc biệt trong hỗ trợ phát âm đúng. Nói ngọng là dạng phổ biến nhất trong các khó khăn về lời nói. Hiện tượng nói ngọng được thấy ở trẻ có sự bất thường về cấu tạo cơ quan phát âm (Ví dụ: Sứt môi, khe hở vòm) và cả ở những em bình thường về cấu tạo cơ quan phát âm. Căn cứ vào cơ chế gây khó khăn, có thể chia thành 3 hình thức ngọng sau:

Ngọng thực thể: Là do cơ quan cấu âm có khiếm khuyết (liệt cơ hàm, cơ lưỡi, hàm lưỡi ngăn, khe hở môi, khe hở vòm miệng, liệt dây thanh...).

Ngọng sinh lý: Là do trẻ bị ốm kéo dài dẫn tới suy nhược thần kinh, suy dinh dưỡng, giảm cơ trương lực, quá trình phát triển của cơ thể bị trì trệ, làm cho trẻ nói ngọng hoặc chậm nói.

Ngọng chức năng: Không phải do tổn thương thực thể ở cơ quan phát âm hoặc tổn thương não, mà là lỗi phát âm trong quá trình học và phát triển ngôn ngữ của trẻ.

Trong nhà trường tiểu học, còn có những HS bị ngọng lẫn cả hình thức này với hình thức khác.

- Nói lắp (còn gọi là nói cà lăm): Là sự rối loạn về âm điệu, nhịp điệu, tình lưu loát của lời nói, kèm theo sự phát

sinh những cơn co giật, căng thẳng ở các cơ tham gia hoạt động nói.

Ở giai đoạn hình thành ngôn ngữ (2-3 tuổi), vốn từ không đáp ứng khả năng suy nghĩ của trẻ, gây ra hiện tượng nói lắp. Những biểu hiện tương tự lặp kéo dài và chiếm tới hơn 10% số từ được nói ra sẽ được coi là trẻ khó khăn về nói.

- **Nói khó.** Là phát âm rất khó khăn, nước dãi chảy nhiều, liên tục và có hiện tượng co cứng ở cơ quan phát âm (môi, hàm, lưỡi...) có khi còn kéo theo cả sự co cứng các cơ ở khu vực mặt hay vai, cổ và tứ chi.

- **Rối loạn giọng điệu:** Là những trường hợp mất giọng, giọng nói quá cao (thé), quá trầm (khàn đục), giọng nói quá to (oang oang), giọng quá nhỏ (thều thào). Ngoài ra, sự sai giọng còn biểu hiện ở việc nói sai chữ giọng so với đặc điểm chung về độ tuổi và giới tính.

c. **Cách nhận biết sơ bộ những học sinh có khó khăn về nói**
Trong quá trình giáo dục, cần nhận biết từng dạng khó khăn về lời nói của HS để có biện pháp rèn luyện phù hợp.

- **HS chậm phát triển tiếng nói:** GV thông qua quan sát, trò chuyện với HS hằng ngày có thể dễ dàng nhận thấy trẻ này có những biểu hiện như: Không hiểu hay hiểu rất ít khi nghe người khác nói; Không biết nói hay nói được rất ít so với các bạn cùng độ tuổi; Nói chuyện thiếu tự nhiên; Phát âm sai, vốn từ nghèo nàn, nói sai ngữ pháp; Khả năng đọc hoặc viết rất hạn chế.

- **HS mất khả năng nói:** GV chú ý những biểu hiện như: Thường không hiểu lời nói của những người xung quanh (dù trước đây vẫn hiểu bình thường), không nói được hoặc nói rất kém (dù trước đây nói được bình thường).

- **HS nói ngọng:** GV có thể nhận biết qua việc quan sát hành vi giao tiếp, nói năng, qua quan sát đặc điểm cơ quan phát âm của HS và qua sử dụng bảng từ thử. Việc quan sát, phân tích cuối cùng cũng phải xác định HS phát âm sai bao nhiêu âm vị, là những âm nào trong mỗi thành phần cấu tạo của âm tiết tiếng Việt gồm: Phụ âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối và thanh điệu.

- **HS nói lắp:** GV có thể nhận biết qua quan sát, trò chuyện và ghi âm để kiểm tra lại các phát ngôn của HS, xem xét tật nói lắp ở cấp độ nào (lắp âm, lắp tiếng, lắp từ ngữ hay lắp cả câu...) hay có những phương cách, những chỗ ngắt, nghỉ, ngắt không bình thường trong chuỗi lời nói.

- **HS nói khó:** GV có thể phát hiện HS nói khó dựa trên các biểu hiện như: Phát âm rất khó khăn, thường nói câu rất ngắn (1-2 từ) và sau một khoảng nghỉ mới nói tiếp được. Có hiện tượng co cứng ở cơ quan phát âm (môi, hàm, lưỡi,...). Nói khó thường gặp ở trẻ bị bại não, có khó khăn vận động vùng cơ hàm mặt.

- **HS bị rối loạn giọng điệu:** GV có thể nhận biết được qua quan sát, lắng nghe lời nói của HS và so sánh với đặc điểm chung về giọng nói của các bạn cùng giới, cùng độ tuổi để tìm ra.

Cách làm nêu trên chỉ để nhận biết sơ bộ những HS có khó khăn về nói. Để xác định và phân loại chính xác HS có khó khăn về nói, cần dựa trên các công cụ đánh giá, đo nghiệm đảm bảo tính khoa học. Các trung tâm y tế lớn và

các trung tâm can thiệp cho đối tượng này đều đã trang bị công cụ để kiểm tra nhưng mỗi chỉ đơn giản là các bảng từ thử và các thẻ từ. Người kiểm tra chủ yếu sử dụng lời nói để kiểm tra các em. Vì vậy, khi gặp trường hợp các em không hợp tác, việc xác định lời sẽ không chính xác. Để khắc phục tình trạng này, chúng tôi tiến hành xây dựng một số công cụ để nhận diện HS khó khăn về nói.

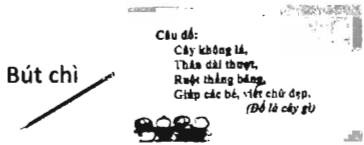
2.1.2. Một số công cụ nhận biết và phân loại học sinh khó khăn về nói

Việc xây dựng các công cụ nhận biết và phân loại HS khó khăn về nói cần đảm bảo các nguyên tắc về tính mục đích, tính khoa học, tính đơn giản để sử dụng và tính phù hợp. Trong quá trình xây dựng các công cụ nhận diện, chúng tôi cố gắng làm rõ mục đích: Các công cụ được xây dựng phải xác định được HS gặp khó khăn về nói ở mức độ nào; Lĩnh vực cụ thể của sự thiếu hụt về nói; Xây dựng được giả thuyết về các nguyên nhân, xác định kế hoạch tác động. Để các công cụ đi vào thực tiễn, đơn giản để sử dụng và phù hợp lứa tuổi, chúng tôi đã lựa chọn trong một số lượng từ giới hạn, tối thiểu là 14 từ để kiểm tra tối đa các kết hợp của từ tiếng Việt. Để kết luận được chính xác mức độ phát triển của ngôn ngữ cảm thụ và ngôn ngữ biểu đạt chúng tôi quan tâm đến cả hai hình thức ngôn ngữ: Chủ động và bị động.

a. Công cụ kiểm tra khả năng phát âm

HS khó khăn về nói được phân làm nhiều loại khác nhau Ở nhóm đầu trong HS nói ngọng, chúng ta cần kiểm tra khả năng phát âm của HS. Tiếng Việt có 22 phụ âm đầu /b, m, f, v, t, t', d, n, z, z', s, ʃ, c, l, j, l, k, ʒ, ɟ, ɣ, h, ʔ/; 2 âm đệm /w/: l, ă âm chính /i, e, ɛ, ɪ, ɿ, a, u, ă, u, o, ɔ, ɔ', ɛ', ie, uy, uo và 8 âm cuối /r, đ, c, 6 phụ âm /m, n, ɲ, p, t, k/ và hai bán nguyên âm /-w, -j/. Ngoài ra, còn có 06 thanh điệu (ngang, sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng). Nếu kiểm tra tách biệt từng âm một sẽ mất rất nhiều thời gian và công sức của HS và người kiểm tra. Vì vậy, chúng tôi đã lựa chọn và kết hợp 48 âm vị đó trong 14 từ, thể hiện thành bảng từ thử (xem Bảng 1).

Để kiểm tra 14 từ trên, chúng tôi thiết kế một số hình ảnh sinh động, trực quan. Có thể ứng dụng trên điện thoại di động, để người kiểm tra dễ dàng sử dụng và tạo hứng thú tham gia cho HS (xem Hình 1).



Hình 1. Minh họa công cụ kiểm tra

Cùng lúc đó, chúng tôi cũng kiểm tra được độ lưu loát của lời nói, quá trình phát âm có gặp khó khăn hay không, để xác định xem HS có thuộc loại nói khó không. Đối với nhóm HS gặp vấn đề về giọng, chúng tôi tiến hành xác định độ khàn, thè, mũi, mất giọng, yếu, đứt đoạn của giọng nói

Bảng 1: Bảng từ thứ

| STT | Từ thứ | Phụ âm đầu | Âm đệm | Âm chính | Âm cuối | Thanh điệu |
|-----|-----------------|--------------------|----------|--------------------|-----------------|--------------------------|
| 1 | Bút chì | /b/, /c/ | | /u/, /t/ | /i/ | sắc, huyền |
| 2 | Viên phấn | /v/, /f/ | | /ie/, /x/ | /n/, /n/ | ngang, sắc |
| 3 | Thuốc kẻ | /t/, /k/ | | /uə/, /e/ | /k/ | sắc, hỏi |
| 4 | Âm nhạc | /ʔ/, /ɲ/ | | /x/, /a/ | /m/, /k/ | ngang, nặng |
| 5 | Đôi dép | /d/, /z/ | | /o/, /e/ | /-j/, /p/ | ngang, sắc |
| 6 | Nơ | /n/ | | /ɣ/ | | Ngang |
| 7 | Màu xanh lá cây | /m/, /s/, /ʃ/, /k/ | | /a/, /e/, /a/, /x/ | /-w/, /ɲ/, /-j/ | huyền, ngang, sắc, ngang |
| 8 | Quả khế | /k/, /ɣ/ | /w/ | /a/, /e/ | | hỏi, sắc |
| 9 | Trái đất | /t/, /d/ | | /a/, /x/ | /-j/, /ʃ/ | sắc, sắc |
| 10 | Con sóc | /k/, /s/ | | /o/, /o/ | /n/, /k/ | ngang, sắc |
| 11 | Mâm rước | /m/, /z/ | | /ʃ/, /uə/ | /m/, /k/ | sắc, sắc |
| 12 | Sư tử | /s/, /t/ | | /w/, /w/ | | ngang, hỏi |
| 13 | Nghựa gỗ | /ɲ/, /ɣ/ | | /wə/, /o/ | | nặng, ngã |
| 14 | Hoa huê | /h/, /h/ | /w/, /w/ | /a/, /e/ | | ngang, nặng |

ngay trong quá trình kiểm tra khả năng phát âm của trẻ.

b. Công cụ kiểm tra tật nói lắp

Song song cùng với quá trình kiểm tra việc phát âm các phụ âm, nguyên âm, thanh điệu ở HS, chúng ta cũng tiến hành đo được HS có mắc tật nói lắp hay không. Ở 14 từ thử, chúng tôi cố gắng lựa chọn đa dạng các loại từ: Từ đơn, từ ghép (hai thành tố, bốn thành tố); tạo điều kiện kiểm tra xem HS có bị nói lắp không. Bởi vì, có trường hợp nói lắp từ ghép mà không nói lắp từ đơn và có nhiều dạng nói lắp khác nhau. Trong quá trình kiểm tra, ở mục 3. kiểm tra đo lưu loát của giọng, nếu phát hiện HS nói lắp ta sẽ sử dụng bảng kiểm tra mức độ nói lắp (xem Bảng 2) ở HS để xác định rõ hơn kiểu nói lắp, mức độ nói lắp, cũng như tình huống xuất hiện tình trạng nói lắp.

Bảng 2: Bảng kiểm tra mức độ nói lắp

| Biểu hiện | Có | Không | Ghi chú |
|---|----|-------|---------|
| 1. Quan sát chung | | | |
| 1.1. Trẻ không ngại trình bày ý kiến | | | |
| 1.2. HS thường né tránh trình bày (không xung phong trả lời khi được yêu cầu) | | | |
| 1.3. ít nói nhưng không thể hiện sự thất vọng trong học tập | | | |
| 1.4. ít nói và thể hiện sự thất vọng trong học tập | | | |
| 1.5. Tích cực tham gia vào các hoạt động học tập | | | |

1.6. Biểu hiện khác

2. Tình huống nói lắp

2.1. Nói trước cả lớp

2.2. Trả lời câu hỏi của cô giáo

2.3. Nói với bạn

2.4. Nói chuyện với người lạ

2.5. Có sự giận dỗi

2.6. Có sự thất vọng, buồn chán

2.7. Có cảm giác sợ hãi

2.8. Có cảm giác xấu hổ hoặc thiếu tự tin

2.9. Tình huống khác

3. Kiểu nói lắp của trẻ

3.1. Lắp lại âm (Ví dụ: c-c-con ch-ch-chào c-c-có...)

3.2. Lắp lại tiếng, từ (Ví dụ: con con con chào....)

3.3. Lắp lại một ngữ hoặc cấu trúc (Ví dụ: Thế là, vậy là, thế thì là...)

3.4. Đang nói thì tác nghẽn, không phát ra tiếng

3.5. Kiểu khác

4. Mức độ nói lắp

4.1. Mất lưu loát dưới 10% số từ được nói ra.

4.2. Mất lưu loát từ 10% - 30% số từ được nói ra nhưng không có sự tắc nghẽn, nuốt âm.

4.3. Mất lưu loát trên 30%, có sự tắc nghẽn trong khoảng khắc rồi lại tiếp tục nói được.

4.4. Có sự tắc nghẽn, dừng nói và căng cứng, rung giật ở cơ quan phát âm.

c. Công cụ kiểm tra khả năng nhận thức

Trong quá trình kiểm tra khả năng phát âm, chúng tôi cũng kết hợp kiểm tra khả năng nhận thức của HS. Không chỉ nhằm mục đích tạo hứng thú, kích thích trí tò mò ở HS mà thông qua việc kiểm tra được thiết kế như một trò chơi sẽ giúp chúng tôi bước đầu xác định HS có bị chậm phát triển trí tuệ hay tự kỉ. Chúng tôi sử dụng các câu đố dân gian hoặc các hình ảnh minh họa để HS đoán ra từ được nhắc đến. Bằng việc chỉ ra những đặc điểm nổi bật của một sự vật - hiện tượng, HS có thể phán đoán, liên tưởng về sự vật, hiện tượng đó. Đây là cách dạy con trẻ quan sát và liên tưởng thú vị nhất mà ông cha ta đã truyền đạt lại cho thế hệ sau. Thông qua quá trình này, ta có thể xác định được HS có gặp khó khăn về nhận thức, có thuộc nhóm HS chậm nói hay mất khả năng nói không.

2.2. Quy trình thực hiện

Kết quả kiểm tra sẽ được GV thể hiện cụ thể trên phiếu

Bảng 3: Phiếu kiểm tra khả năng phát âm

| STT | Từ thử | Lần 1 | Lần 2 | Lần 3 | Đúng | Không đúng (Phát âm thành âm gì) |
|-----|-----------------|-------|-------|-------|------|----------------------------------|
| 1 | Bút chì | | | | | |
| 2 | Viên phấn | | | | | |
| 3 | Thước kẻ | | | | | |
| 4 | Âm nhạc | | | | | |
| 5 | Đôi dép | | | | | |
| 6 | Cái nơ | | | | | |
| 7 | Màu xanh lá cây | | | | | |
| 8 | Quả khế | | | | | |
| 9 | Trái đất | | | | | |
| 10 | Côn sóc | | | | | |
| 11 | Mắm rước | | | | | |
| 12 | Sứ tử | | | | | |
| 13 | Ngựa gỗ | | | | | |
| 14 | Hoa huệ | | | | | |

kiểm tra khả năng phát âm (xem Bảng 3).

Lưu ý: Nếu HS không trả lời được, GV ghi kí hiệu “K”, nếu HS trả lời đúng, GV đánh dấu “+” vào ô “Lần 1” và ô “Đúng” sau đó ngưng lại không tiếp tục các bước tiếp theo; nếu HS trả lời đúng nhưng phát âm sai, GV đánh dấu “-” vào ô “Lần 1” và ghi chính xác cách phát âm của HS ở ô “Không đúng (Phát âm thành âm gì)”.

Quy trình kiểm tra được thực hiện thông qua ba bước sau đây:

Bước 1:

- GV: Đưa ra câu hỏi, phần nhiều được chuyển thành các câu đố đơn giản giúp tạo hứng thú, kích thích trí tò mò của HS (xem Hình 2).



Hình 2: Minh họa bước 1

- HS: Quan sát, lắng nghe và tìm câu trả lời.

- GV: Điền thông tin vào ô “Lần 1” trong bảng 3 với 3 phương án sau:

Phương án 1: Nếu HS không trả lời được, GV ghi kí hiệu “K” vào ô “Lần 1”.

Phương án 2: Nếu HS trả lời đúng, phát âm đúng, GV đánh dấu “+” vào ô “Lần 1” và ô “Đúng” sau đó ngưng lại

không tiếp tục các bước tiếp theo;

Phương án 3: Nếu HS trả lời đúng nhưng phát âm sai, GV đánh dấu “-” vào ô “Lần 1” và ghi chính xác cách phát âm của HS ở ô “Không đúng (Phát âm thành âm gì)”.

Bước 2:

- GV: Chiếu hình ảnh tương ứng với từ (xem Hình 3).



Hình 3: Minh họa bước 2

- HS: Nhìn hình trả lời.

- GV: Điền thông tin vào ô “Lần 2” trong Bảng 3 (tương tự bước 1).

Bước 3:

- GV: Chiếu từ để kiểm tra tương ứng với hình ảnh và yêu cầu HS phát âm. Nếu HS chưa biết đọc, GV phát âm cho HS lặp lại (xem Hình 4).



Quả khế

Hình 4: Minh họa bước 3

- HS: Nói từ từ xuất hiện hoặc lặp lại theo hướng dẫn của GV.

- GV: Điền thông tin vào ô “Lần 3” trong bảng 3 với 3 phương án sau:

Phương án 1: Nếu HS không đọc được từ “quả khế”, GV ghi kí hiệu “K” vào ô “Lần 3”;

Phương án 2: Nếu HS trả lời đúng, phát âm đúng, GV đánh dấu “+” vào ô “Lần 3” và ô “Đúng”;

Phương án 3: Nếu HS đọc được nhưng phát âm sai, GV đánh dấu “-” vào ô “Lần 3” và tổng hợp ghi chính xác cách phát âm của HS ở ô “Không đúng (Phát âm thành âm gì)”.

Bước 3 giúp HS làm quen với chữ cái, giúp xác định HS nào đã biết đọc và chưa biết đọc. Với ba bước của quy trình, chúng ta sẽ được nghe HS phát âm từ cần kiểm tra 3 lần, mà không cần yêu cầu HS lặp lại sẽ gây nhàm chán, khiến HS

không hợp tác. Người kiểm tra, dựa trên kết quả thu được sẽ xác định xem HS không phát âm đúng âm nào và ghi lại chính xác âm mà HS phát ra vào phiếu kiểm tra khả năng phát âm.

Trong quá trình thực hiện ba bước này, ngoài việc đánh giá khả năng phát âm của HS. Chúng tôi cũng kết hợp kiểm tra giọng điệu, độ lưu loát của lời nói dựa vào các câu trả lời của HS.

Sau khi kiểm tra được khả năng phát âm, giọng, độ lưu loát của lời nói. Nếu nhận thấy HS gặp vấn đề ở một trong các mục trên, chúng tôi mới tiến hành kiểm tra đặc điểm cơ quan phát âm. Bằng việc phối hợp giữa phương pháp quan sát và sử dụng các công cụ hỗ trợ tự thiết kế.

Ví dụ: Kiểm tra vấn đề hô hấp, chúng tôi thiết kế năm loại chai nhựa chứa hạt xốp, có gắn ống thổi từ nhựa dẻo mạnh, với năm mức độ khác nhau và tổ chức trò chơi thi thổi hạt xốp.

Xếp nhận thức của HS và khả năng giao tiếp: Trong quá trình kiểm tra khả năng phát âm, chúng ta cũng phần nào xác định được HS có gặp vấn đề về nhận thức và khả năng giao tiếp hay không. Kết thúc quá trình này, chúng ta có thể bước đầu kết luận HS có gặp khó khăn về nói hay không, thuộc nhóm nào, có cần yêu cầu sự can thiệp của y tế hay không. Từ đó, GV tiểu học có thể lên phương án giúp các em vượt qua khó khăn của mình ngay trong chính quá trình học tập trên lớp, đạt được mục tiêu của giáo dục hòa nhập cho HS khó khăn về nói.

3. Kết luận

Giáo dục ngôn ngữ là một nội dung quan trọng của chương trình giáo dục hòa nhập. Việc thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục này là cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ giáo dục khác nhằm đạt được mục tiêu phục hồi chức năng chung cho HS. Về bản chất, nhiệm vụ giáo dục ngôn ngữ cho HS là dạy HS nói đúng tiếng mẹ đẻ, biết vận dụng đúng những quy tắc ngữ pháp thông thường vào ngôn ngữ giao tiếp, có vốn từ phù hợp với hoàn cảnh sinh sống và mức độ phát triển trí tuệ của HS. Việc phát âm đúng tiếng mẹ đẻ, nói đúng ngữ pháp thông dụng và có vốn từ phong phú sẽ giúp HS diễn đạt được nhu cầu, nguyện vọng và tình cảm của mình, đồng thời tạo điều kiện để HS vào đời tiếp thu tốt những kiến thức trong đời sống xã hội.

Muốn hoàn thành nhiệm vụ giáo dục ngôn ngữ, không thể không nắm được tình trạng ngôn ngữ của HS khi mới vào trường và diễn biến của quá trình phát triển tiếng nói của HS trong thời gian HS học tập và vui chơi. Chính vì vậy, cần thiết phải tiến hành kiểm tra ngôn ngữ của HS khi mới đến trường, sau đó tiến hành kiểm tra theo dõi sau mỗi học kì, mỗi năm học. Các công cụ được xây dựng với mục tiêu để ứng dụng, phù hợp với tâm lí lứa tuổi, kích thích trí tò mò ở HS đầu cấp Tiểu học sẽ giúp GV xác định chính xác đối tượng HS khó khăn về nói. Từ đó, có điều kiện lên kế hoạch hỗ trợ cho đối tượng HS này tốt hơn trong môi trường giáo dục hòa nhập.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Thị Bích Huệ - Đặng Thái Thu Hương, (2004). *Hướng dẫn thực hành âm ngữ trị liệu*, NXB Y học, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thị Kim Hiền, (2008), *Xây dựng quy trình khắc phục rối loạn ngôn ngữ cho học sinh khuyết tật ngôn ngữ cấp Tiểu học*, đề tài của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [3] Đoàn Thị Thuật, (2003), *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Trung tâm Giáo dục trẻ có tật, (1991), *Nội dung, phương pháp giáo dục và sửa tật ngôn ngữ cho trẻ khuyết tật dựa vào công đồng*, Hà Nội.
- [5] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Trung tâm Giáo dục trẻ có tật, (1993), *Nội dung phương pháp giáo dục trẻ tật ngôn ngữ*, (Tài liệu huấn luyện giáo viên), Hà Nội.

DETECTION AND RECOGNITION TOOLS OF SPEECH DIFFICULTY FOR PUPILS WITH IMPAIRMENT

Ngô Thị Phương Tra

Duy Nhon University
170 An Duong Vuong, Quy Nhon,
Bình Định, Vietnam
Email: tranfp.bd@gmail.com

ABSTRACT: *Content of speech impairment and students with speech impairment have been mentioned, along with some common types of speech difficulty and methods to recognize them. Several detection and recognition tools of speech impairment are investigated in this work. All of them come with mobile phone applications to get familiar with students, right for age psychology, and to stimulate curiosity in elementary school students with series of interesting puzzles and games. The detection and recognition tools of speech impairment are used to test the ability of pronouncing, stuttering and cognitive abilities. Therefore, these tools would help teachers to accurately identify students that might get speech difficulty. Consequently, teachers could make an appropriate plan to support student with impairment in an inclusive education environment. The implementation process is described in detail.*

KEYWORDS: *Speech; speech difficulty; tool; detection and recognition.*